

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :295

sang; Bun thòt nam rôm ca rot môôp ngo rí
gia su su
Sôa grow
Trôa : Côm bo kho nâu cove bong cai ca
rot. Canh cai thao tom kho thòt heo nác ngo
rí
Mon luoc: bí xanh
Xe: sôa chua
Xe chieu: Phô thòt ga ca rot nam rôm hanh
tay rau hung

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 37002				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nôn gia(ñ/100g)	Thanh tiền(ñ)
	*CHỒ			
1	Ram (muoi)	3,000	1,060	31,800
2	Tom khoi	200	79,870	159,740
3	Súp lơ xanh*	2,000	7,350	147,000
4	Nộm cắ mắ Cắ (loại 1)	3,000	6,160	184,800
5	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
6	Nộm cắ cắ	3,000	3,880	116,400
7	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
8	Xì dầu	1,000	990	9,900
9	Gạo tẻ máy	16,000	2,630	420,800
10	Hạnh lắ	1,500	5,250	78,750
11	Hạnh củ tồoi	1,000	6,300	63,000
12	Cá rot	6,000	5,570	334,200
13	Nam rôm	1,000	14,180	141,800
14	Môôp	2,000	4,200	84,000
15	Rau ngo (Rau mui)	200	8,720	17,440
16	Nấu cắ vắ (tồoi)	2,000	6,620	132,400
17	Gia nâu xanh	1,000	2,730	27,300
18	Rau húng	100	11,030	11,030
19	Hạnh tay	500	3,680	18,400
20	Cải thảo*	6,500	3,990	259,350
21	Bí nâu (Bí xanh)	3,500	4,100	143,500
22	Su su	1,000	3,260	32,600
23	Bún	18,000	1,710	307,800
24	Bánh phớ	16,000	1,820	291,200
25	Thòt lớn nác	6,800	18,800	1,278,400
26	Thòt gắ loại 1	3,000	12,920	387,600
27	Thòt bắ loại 1	8,000	37,800	3,024,000
28	Yaourt	29,500	5,950	1,755,250
Cong				9,685,560
	*XUẤT KHO			
29	Sôa bắ Abbot Grow	6,000	20,500	1,230,000
Cong				1,230,000
Tổng tiền thức phẩm				10,915,560 ñ
Chi phí khác				0(ñ)
Tiền nồôc chi trong ngày				10915000(ñ)
Số dồ nâu ngay				0(ñ)
Số dồ cuoi ngay				-560(ñ)
Xuất ăn luy kắ tồ nâu tháng				
Tiêu chuan luy kắ tồ nâu tháng				
Tiền chi luy kắ tồ nâu tháng				